

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV 2 - LĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/DS-ST
Ngày 23-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 2 - LĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Văn Chí

2. Bà Đặng Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tấn - Thư ký Toà án nhân dân KV 2 - LĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 2 - LĐ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân KV 2 - LĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 152/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà NTG, sinh năm 1951; địa chỉ: TDP GT, xã ĐVLH, tỉnh LĐ

2. **Bị đơn:** bà LTLA, sinh năm 1971; địa chỉ: NVC, tổ 30, xã ĐT, tỉnh LĐ

(Nguyên đơn bà Gcó mặt; bị đơn bà A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: xuất phát từ mối quan hệ quen biết với nhau nên bà có cho bà LTLA vay tiền. Ngày 01/12/2023 bà cho bà LA vay tiền mặt là 56.000.000đồng (năm mươi sáu triệu đồng) để bà LA đầu tư vào quán cà phê tại bến xe ĐT trong dịp tết, khi vay không tính lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng, tức là đến ngày 01/01/2024 bà LA phải trả tiền cho bà. Bà LA viết giấy mượn tiền có cam kết ngày 01/12/2023 có chữ ký xác nhận của bà LA và có sự chứng kiến của bà LNHBC và ông NVT (trưởng thôn NH). Đến hạn trả nợ theo thoả thuận nhưng bà LA không trả tiền cho bà nên ngày 19/01/2024 bà đến nhà bà LA để yêu cầu trả tiền. Bà LA viết giấy cam kết đến ngày 04/02/2024 sẽ trả tiền,

có người làm chứng là ông Thẩm, bà Bảo Châu. Tuy nhiên, đến nay bà LA vẫn không trả tiền cho bà theo cam kết. Do đó, bà khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà LTLA phải trả cho bà số tiền 56.000.000đồng (năm mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 05/02/2024 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Đề nghị bà LAcung cấp chứng cứ về việc bà LA đã trả cho bà 18.600.000đồng, nếu khoản nào bà LA đã trả cho bà mà có chữ ký xác nhận của bà thì bà sẽ đồng ý cần trừ cho bà Lan Anh. Ngoài ra, bà không có ý kiến nào khác. Bà xác định bà chỉ cho bà LAmượn tiền đúng 01 lần số tiền 56.000.000đồng chứ không hề cho mượn 03 lần như bà LA đã trình bày ở trên. Ngoài ra, bà không uỷ quyền cho bất kỳ người nào đi đòi nợ của bà LA hoặc thuê xã hội đen đến đòi nợ dùm bà, bà không đưa giấy tờ nào cho người khác để đòi tiền. Bà LAKhai không đúng sự thật; đúng một lần, vào ngày 01 tháng 12 năm 2023 xuất phát từ chỗ quen biết bà LA lạm dụng tín nhiệm của bà và cam kết mượn tiền trong 01 tháng, đúng gần tết sẽ thanh toán trả đầy đủ cho bà. Nhưng sau đúng 01 tháng bà và con của bà ra tại quán cà phê và nhà bà LA để lấy lại số tiền 56.000.000đồng mà bà LAmượn để làm ăn dịp tết nhưng bà LA chưa trả cho bà. Khi bà LAmượn tiền 56.000.000đồng có làm cam kết và có người làm chứng xác định ghi rõ số tiền bà cho bà LAmượn đúng một lần 56.000.000đồng, có nhân chứng làm chứng ký tên. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án có trình bày như sau:**

Bà và bà G có mối quan hệ quen biết do bà Ghay mua cà phê của bà. Do đó, bà có vay của bà G 03 lần, tổng cộng số tiền bà vay của bà G là 15.000.000đồng, thời gian vay bà không nhớ do bà G giữ hết giấy tờ vay, hàng tháng bà phải trả lãi số tiền 9.000.000đồng cho bà Giêng, tháng nào bà không trả tiền lãi thì bà G cộng vào tiền gốc. Giấy mượn tiền có cam kết ngày 01/12/2023 do bà viết, tuy nhiên trong số tiền 56.000.000đồng chỉ có 15.000.000đồng là tiền gốc, còn lại là tiền lãi bà G cộng vào nói bà phải viết. Sở dĩ bà viết giấy do bà sợ chồng bà phát hiện ra việc bà vay mượn. Khi bà viết giấy mượn tiền chỉ có bà và bà Giêng, không có ai chứng kiến, bà không biết ông NVT là ai, LNHBC là con gái bà Giêng. Sau khi viết giấy xong, bà có nói bà Glà bà không có tiền trả một lần số tiền 56.000.000đồng, bà sẽ trả dần nên bà Bảo Châu là con gái bà G nói bà viết giấy cam kết nên bà viết giấy cam kết ngày 19/01/2024. Ngày 29/3/2025 bà G sai xã hội đen đưa giấy tờ mượn tiền mà bà đã ký đến đòi bà trả số tiền 7.000.000đồng, bà quá sợ nên phải vay mượn để đưa cho người đó, bà yêu cầu người đó ký xác nhận đã nhận đủ số tiền trên, ngoài ra bà không biết gì về nhân thân, lai lịch của người đến lấy tiền.

Nay, bà Gyêu cầu bà trả số tiền 56.000.000đồng bà không đồng ý vì bà đã trả được 18.600.000đồng cho bà Grời, bà chỉ còn nợ bà G 37.400.000đồng. Chứng cứ là bà có ghi cụ thể vào quyển vở học sinh bà sẽ cung cấp cho Toà án.

*** Người làm chứng Ông NVT trình bày:** Cô LTLA mượn của bà NTG. Hai bên thỏa thuận với nhau, sau một tháng, cô LA trả lại cho bà G số tiền

56.000.000đồng và giao tại quán cà phê bến xe ĐT của bà Lan Anh, có cả cô Châu là con gái của bà G chứng kiến số tiền trên giao vào ngày 01/12/2023. Đến ngày 19/01/2024 cô LA vào nhà con gái bà G là cô LNHBC viết cam kết sẽ trả vào ngày 04/02/2024. Ông có mặt chứng kiến nhưng đến nay cô LA chưa thanh toán số tiền vay lại cho bà Giêng. Để bà G đi lại nhiều còn ảnh hưởng sức khỏe người già. Xin Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để cô LA sở trả số tiền lại cho bà Giêng.

Bà Lơ Nguyễn Ha Bảo Châu, đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn khai giấy mượn tiền do bị đơn viết và ngày mượn tiền ngày ghi 01/12/2023 là ngày âm lịch tức là mừng một tháng chạp năm 2023, như vậy tương ứng với ngày 11/01/2024 dương lịch và ngày cam kết 19/01/2024 bà LA viết, cam kết sẽ trả vào ngày 04/02/2024 cũng là ngày âm lịch nên tương ứng ngày 13/3/2024 dương lịch. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà LA trả cho bà 56.000.000đồng nợ gốc và tính lãi từ ngày ngày mừng 05/02/2024 (âm lịch) tức ngày 14/3/2024 dương lịch đến ngày xét xử hôm nay 23/9/2025 là 18 tháng 09 ngày theo lãi suất 0,83%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – LD tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTG. Buộc bị đơn bà LTLA phải trả cho nguyên đơn bà NTG số tiền tổng cộng 64.505.840đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm lẻ năm ngàn tám trăm bốn mươi đồng) (trong đó nợ gốc 56.000.000đồng và lãi suất 8.505.840đồng).

Về án phí: buộc bà LTLA phải chịu 3.225.292đồng (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: xuất phát từ mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 01/12/2023 bà NTG có cho bà LTLA vay số tiền 56.000.000đồng để bà LA đầu tư vào quán cà phê tại bến xe ĐT trong dịp tết, thời hạn vay là 01 tháng, tức là đến ngày 01/01/2024 bà LA phải trả tiền cho bà nhưng không trả được và ngày 19/01/2024 bà LA viết giấy cam kết đến ngày 04/02/2024 sẽ trả tiền. Tuy nhiên, đến nay bà LA vẫn không trả tiền cho bà theo cam kết. Do đó, bà khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết buộc bà LTLA phải trả cho bà số tiền 56.000.000đồng (năm mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 05/02/2024 cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Tại phiên toà, nguyên đơn bà G yêu cầu bị đơn bà LA trả cho bà 56.000.000đồng nợ gốc và tính lãi từ ngày ngày mùng 05/02/2024 (âm lịch) tức ngày 14/3/2024 dương lịch đến ngày xét xử 23/9/2025 là 18 tháng 09 ngày theo lãi suất 0,83%/tháng. Do đó, căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có địa chỉ cư trú tại: xã ĐT, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân KV 2 - LD.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn bà LTLA có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà G khởi kiện bà LA tranh chấp vay tài sản thì chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là giấy mượn tiền có cam kết ngày 01/12/2023 (bản chính) và xác nhận cam kết ngày 19.1.2024 (bản chính) có chữ ký và chữ viết tên của bên vay là bà LTLA; nguyên đơn bà G khai ngày 01/12/2023 bà cho bà LAVay tiền mặt là 56.000.000đồng (năm mươi sáu triệu đồng) để bà LA đầu tư vào quán cà phê tại bến xe ĐT trong dịp tết, thời hạn vay là 01 tháng, tức là đến ngày 01/01/2024 bà LA phải trả tiền cho bà. Bà LA viết giấy mượn tiền có cam kết ngày 01/12/2023 có chữ ký xác nhận của bà LA và có sự chứng kiến của bà LNHBC và ông NVT; đến ngày 19/01/2024 bà LTLA có viết xác nhận cam kết ngày 04/02/2024 sẽ có trách nhiệm mang tiền vào trả cho bà G. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định việc bà G có cho LA vay số tiền 56.000.000đồng là có xảy ra trên thực tế và theo trình bày của nguyên đơn thì thời gian được viết trên giấy vay tiền và giấy cam kết là theo ngày âm lịch.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà LTLA không đến tham gia hoà giải và có đơn xin vắng mặt ngày 23/9/2025;

[2.3] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù nguyên đơn bà Gđã yêu cầu bị đơn bà LA phải trả nợ nhiều lần; tại phiên tòa bà Gkhai bà đã liên lạc để làm việc với bà LANhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà LAcứ khất nợ, sau đó bà gọi điện thoại thì bà LAkhông nghe máy và không chịu gặp bà Gđể giải quyết nợ, nên bà Gkhởi kiện yêu cầu bà LA phải trả lại cho bà số tiền gốc 56.000.000đồng và và tính lãi từ ngày ngày mùng 05/02/2024 (âm lịch) tức ngày 14/3/2024 dương lịch đến ngày xét xử hôm nay 23/9/2025 là 18 tháng 09 ngày theo lãi suất 0,83%/tháng.

Xét, nguyên đơn xuất trình bản chính giấy vay tiền có cam kết ngày 01/12/2023, giấy cam kết ngày 19/01/2024 với số tiền vay 56.000.000đồng. Lời khai của bị đơn cho rằng chỉ vay 15.000.000đồng, còn lại là tiền lãi cộng dồn, tuy nhiên, bị đơn bà LAkhông có chứng cứ chứng minh; quá trình giải quyết, bà LATrình bày đã trả được 18.600.000đồng cho bà Grồi, bà chỉ còn nợ bà G37.400.000đồng; chứng cứ bà có ghi cụ thể vào quyển vở học sinh bà sẽ cung cấp cho Tòa án; tuy nhiên, đến nay bà LAVẫn không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã trả cho bà G18.600.000đồng. Ngược lại, người làm chứng xác nhận có việc bà LAVay đủ 56.000.000đồng và hứa trả đúng hạn nhưng không thực hiện. Do vậy, lời khai của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy quan hệ vay mượn tài sản giữa các bên là có thật, hợp đồng vay tài sản được xác lập tự nguyện, đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Khi đến hạn, bên vay không trả đúng cam kết, nên nguyên đơn bà NTG khởi kiện yêu cầu bà LTLA thanh toán số tiền nợ gốc là 56.000.000đ theo Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi suất: tại phiên tòa, nguyên đơn bà NTG khai ngày mượn tiền ghi ngày 01/12/2023 là ngày âm lịch tức là mùng một tháng chạp năm 2023, như vậy tương ứng với ngày 11/01/2024 dương lịch và ngày cam kết 19/01/2024 bà LAViết cam kết sẽ trả vào ngày 04/02/2024 cũng là ngày âm lịch nên tương ứng ngày 13/3/2024 dương lịch phải trả tiền cho bà. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà LATrả lãi từ ngày ngày mùng 05/02/2024 (âm lịch) tức ngày 14/3/2024 dương lịch đến ngày xét xử hôm nay 23/9/2025 là 18 tháng 09 ngày theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền lãi là: $(56.000.000đ \times 0,83\% \times 18 \text{ tháng } 09 \text{ ngày}) = 8.505.840\text{đồng}$. Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.5] Từ những nhận định và phân tích như trên cần buộc bị đơn bà LTLA phải trả cho nguyên đơn bà NTG số tiền nợ gốc là 56.000.000đồng và lãi suất 8.505.840đồng; tổng cộng cả gốc và lãi suất là 64.505.840đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên buộc bị đơn bà LTLA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà Giêng; Cụ thể: $64.505.840\text{đồng} \times 5\% = 3.225.292\text{đồng}$.

Vụ án thụ lý thuộc trường hợp người khởi kiện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không thu tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn bà NTG.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTG.

Buộc bị đơn bà LTLA phải trả cho nguyên đơn bà NTG số tiền tổng cộng 64.505.840đồng (sáu mươi bốn triệu năm trăm lẻ năm ngàn tám trăm bốn mươi đồng) (trong đó nợ gốc 56.000.000đồng và lãi suất 8.505.840đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. *Về án phí:* buộc bà LTLA phải chịu 3.225.292đồng (ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vụ án thụ lý thuộc trường hợp người khởi kiện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không thu tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn bà NTG.

3. *Về quyền kháng cáo:* nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2025); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LĐ xét xử phúc thẩm.

4. *Về nghĩa vụ thi hành án:* trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKS Khu vực 2 – LĐ;
- Thi hành án dân sự tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ

